TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68 /2021/DS-PT
Ngày: 14 - 12 - 2021
V/v tranh chấp lối đi chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Cường

+ *Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Thiên Hương, bà Vũ Thị Thanh Hòa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* bà Võ Thị Phương Linh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLPT-DS ngày 15/01/2020, về việc*"Tranh chấp lối đi chung",*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST, ngày 27/8/2019 của Tòa án nhân dân TX. Lagi bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐ-PT, ngày 26 / 5 /2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 54/2021/TB-TA, ngày 26/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2021/QĐ-PT, ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giữa các đương sự:

NguY đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu phố 7, phường BT, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Hữu Thị Th, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường PL, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Q, sinh năm 1972 và bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường PL, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

Người làm chứng:

- Ông Lương Ngọc Q, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu phố 2, phường BT, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Võ Văn T, sinh năm 1968;
- Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1968.

Đều ở: Khu phố 1, phường T A, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08.01.2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Tháng 8/2016 bà Y có mua căn nhà xây cấp 4 gắn liền diện tích đất 94 m^2 tọa lạc tại Khu phố 3, phường PL, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể hiện hẻm rộng 3,7 m, nhưng hiện trạng thực tế ông T rào lại với mục đích xây tường hàng rào để sử dụng riêng cho gia đình ông. Tháng 10/2016, bà Y có làm đơn gửi UBND phường PL giải quyết nhưng hòa giải không thành. Hiện nay hẻm chỉ còn 06 tấc, phần đất còn lại là của bà Trần Thị Hiền. Bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn tháo dỡ hàng rào, chấm dứt hành vi rào chiếm lối đi chung và trả lại lối đi chung.

Bị đơn: Ông Võ Văn T và bà Nguyễn Hữu Thị Th trình bày:

Nguồn gốc nhà, đất của bà Y và của vợ chồng ông, là của cha mẹ ông chết để lại. Sau khi cha mẹ ông chết, đất được chia làm hai phần cho hai anh em ông là ông Võ Văn T và ông T. Căn cứ vào bản đồ địa chính mà ông bà nộp cho Tòa án thì hiện trạng không thay đổi.

Năm 1999 gia đình ông bà xây nhà, lúc này chưa xây cổng nhưng có xây hàng rào tại vị trí như hiện nay cao khoảng 0,5 mét, có làm sân; đến năm 2003 ông bà xây hàng rào như hiện nay. Năm 2005, ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và nhà bà Y đều sai, đường hẻm rộng 3,7m thuộc diện tích đất của nhà ông T. Ông T thấy sổ đỏ của ông được cấp là sai và ông có thông báo với địa chính thị xã, nhưng được cơ quan giải thích là ông T phải làm thông báo biến động về bất động sản, nhưng ông T không làm vì cho rằng địa chính thị xã sẽ tự điều chỉnh. Sau này, ông T lấy sổ đỏ đi vay tiền tại ngân hàng nên không có động thái gì liên quan đến việc cấp sổ đỏ sai nữa. Ông T không để ý trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông được cấp có đường đi hay không. Diện tích đất của anh T sau này đã sang nhượng cho vợ chồng chị L, rồi sang nhượng lại cho bà Y. Ông T khẳng định đường hẻm từ trước nhà ông đến nhà bà M là của nhà nước, còn đường hẻm trước nhà bà Y hiện tại là đất của gia đình ông, nên ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Q và bà Trần Thị Kim T trình bày:

Trước đây ông bà có mua căn nhà của vợ chồng ông T, sau đó bán lại cho vợ chồng bà L, rồi bán lại cho bà Y thì đã có đường hẻm rộng 3,7m. Trước đây khi mua căn nhà của vợ chồng ông T không có hàng rào, nhà ông T cũng không có

hàng rào, hai năm sau ông T xây hàng rào thì hẻm chỉ còn 06 tấc. Nên việc bà Y khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T bà Th trả lại lối đi chung là đúng.

Người làm chứng: Ông Lương Ngọc Q trình bày:

Ông là chồng bà Nguyễn Thị Kim L. Trước đây vợ chồng ông Q bà T muốn mua căn nhà của vợ chồng ông T bà H tại khu phố 3, phường Phước Lộc nhưng không có tiền nên mượn tiền của vợ chồng ông để mua nhà. Ông không nhớ tiền mua nhà là bao nhiêu, nhưng hai bên thỏa thuận để vợ chồng ông đứng tên, khi nào vợ chồng ông Q bà T trả đủ tiền thì sang tên lại. Sau đó, vợ chồng anh Q được đứng tên căn nhà này vào ngày 13.4.2006. Sau đó, vợ chồng ông Q không đồng ý và khởi kiện ra Tòa án giải quyết. Đến giai đoạn thi hành án thì bà Y đứng ra trả tiền. Lúc này con hẻm rộng 08 tấc chứ không phải 1,2 m.

Người làm chứng: Ông Võ Văn T trình bày:

Diện tích đất tranh chấp lối đi trước đây là đất của cha mẹ ông. Sau khi cha mẹ ông chết thì để thừa kế cho ông và ông T. Sau đó ông và ông T chia đôi diện tích đất này. Năm 1997 vợ chồng ông xây nhà, không xây dựng tường rào, chỉ kéo hàng rào B40, không hề chừa đường để đi. Ông và ông T thương lượng chừa ra diện tích đất ngang 1,2m để làm đường vào nhà. Thời điểm này nhà ông T cũng chưa xây cổng, nhưng vẫn giữ nguY hàng rào mà ông kéo trước đây, sau này ông T mới xây hàng rào nhưng vẫn xây như trước đây. Ông T thừa nhận có bán nhà và đất cho vợ chồng ông Q, nhưng vợ chồng ông Q không có tiền trả nên phải mượn tiền của bà Nguyễn Thị Kim L và ra điều kiện phải đứng tên chị L. Từ đó, vợ chồng ông T bán nhà và đất cho vợ chồng ông Q nhưng đứng tên là bà L và bà L bán lại cho bà Y. Khi diện tích đất của ông được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông không để ý trong sổ có thể hiện con hẻm, vì khi có sổ đỏ ông dùng vay vốn tại Ngân hàng nên không quan T nội dung trong sổ. Thời gian này ông biết bà Y tranh chấp đất với ông T thì ông mới biết sổ đỏ bị vẽ sai. Khi làm thủ tục bán nhà cho chị L thì theo hiện trạng trên giấy, hai bên không thắc mắc gì về diện tích con hẻm, lúc này ông T cũng không biết sổ đỏ bị vẽ sai. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguY đơn là không có căn cứ vì đường đi vào nhà bà Y hiện nay có nguồn gốc là đất của cha mẹ ông để lại, không phải đất thuộc sở hữu Nhà nước nên không phải là lối đi chung sử dụng công cộng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST, ngày 27/8/2019 Tòa án nhân dân TX. Lagi đã xử: Căn cứ vào: Khoản 1, 2 Điều 21, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 262, Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 254 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

TuY xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc vợ chồng ông Võ Văn T và bà Nguyễn Hữu Thị Th phải tháo dỡ tường

rào xây gạch, tô xi măng để trả lại phần diện tích đất làm lối đi chung có diện tích rộng 3,7m, cụ thể:

Tường rào giáp nhà bà Nguyễn Thị Y: Tường gạch có chiều dài 2,60m, cao 1,5m, chiều dày của tường 10cm,

Tường rào giáp nhà bà Trần Thị Tuyết M và ông Trần Ngọc M: Tường gạch có chiều dài 2,54m, cao 1,5m, chiều dày của tường 10cm,

Tường rào mặt tiền chính, gồm: Phần tường giáp nhà bà Nguyễn Thị Y có chiều dài 1,09m, cao 1,5m, chiều dày của tường 10cm; Phần tường giáp nhà bà Trần Thị Tuyết M và ông Trần Ngọc M có chiều dài 1,65m, cao 1,5m, chiều dày của tường 10cm,

Cửa sắt rộng 1,33m, cao 1,7m.

2. Án phí:

Ông Võ Văn T và bà Nguyễn Hữu Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí

Ông Võ Văn T và bà Nguyễn Hữu Thị Th phải chịu 2.725.000 đồng (Hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) lệ phí đo đạc và 3.300.000 đồng (Ba triệu ba trăm nghìn đồng) lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Y. Bà Nguyễn Thị Y được nhận lại 6.025.000 đồng (Sáu triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) từ ông Võ Văn T và bà Nguyễn Hữu Thị Th

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền 1.110.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010116 ngày 23.02.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Trường hợp Bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, ông Võ Văn T và bà Nguyễn Hữu Thị Th kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không khách quan, không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không bảo đảm quyền lợi của ông, bà. Nên đề nghị xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo vẫn giữ nguY yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến về vụ án và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn T và bà Nguyễn Hữu Thị Th. Giữ nguY bản án dân sự sơ thẩm số16/2019/DS-ST, ngày 27/8/2019 của Tòa án nhân dân TX. Lagi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe các bên tranh luận và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của ông Võ Văn T và bà Nguyễn Hữu Thị Th hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Nguồn gốc nhà, đất mà nguY đơn và bị đơn đang sử dụng là của cha mẹ nguY đơn để thừa kế cho hai anh em nguY đơn là ông Võ Văn T và ông Võ Văn T vào năm 2003.

Năm 2004, ông Võ Văn T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 198, tờ bản đồ số 24, diện tích 94 m^2 tại khu phố 9, thị trấn Lagi thể hiện hướng Bắc là đường hẻm công cộng rộng 3,7 m.

[2] Ngày 10/5/2005, vợ chồng ông T làm Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim L. Đến ngày 13/4/2006 vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; theo sơ đồ thửa đất vẫn thể hiện hướng Bắc là đường hẻm công cộng rộng 3,7 m.

[3] Ngày 29/5/2012, ông Võ Văn T được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Bh 868407 đối với thửa đất số 198 A, tờ bản đồ số 24, diện tích 83 m^2; căn cứ sơ đồ thửa đất, nhà ở kèm theo giấy chứng nhận thể hiện:

- Cạnh hướng Đông phía trước có chiều dài 10,7 m
- Cạnh hướng Tây phía trước có chiều dài 13,8 m
- Hướng Bắc là đường hẻm công cộng rộng 3,7 m.

[4] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc hiện trạng đất ngày 03/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai Lagi, thì tổng diện tích đất gia đình ông T đang sử dụng là 96,3 m^2, trong đó:

- Cạnh hướng Đông phía trước có chiều dài 13,3 m(10,7 m + 2,60 m); cạnh hướng đông phía sau 6.0 m
- Cạnh hướng Tây phía trước có chiều dài 16,34 m (2,54 m + 13,8 m); cạnh hướng tây phía sau 1,4 m + 2,6 m)
- Hướng Bắc là đường hẻm công cộng: Tại hướng đông giáp nhà ông Trần Q rộng 1,7 m và 1,75 m; hướng tây 2,15 m.

[4.1] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, thì đường đi trước nhà ông T, bà Y có chiều ngang 1,75 m, trong đó có 0,65 m là đất thuộc quyền sử dụng phía sau nhà của gia đình bà Trần Thị H (ông Trần Hải Đ) và nằm phía trước nhà ông T và ông Q, nên đường hẻm chỉ còn lại 1,1m.

[4.2] Thực tế diện tích đất gia đình ông T đang sử dụng nhiều hơn so với giấy chứng nhận và thuộc đường đi chung đo được là 10,5 m^2.

[7] Ông Võ Văn T, bà Nguyễn Hữu Thị Th kháng cáo cho rằng diện tích đất thừa so với giấy chứng nhận nằm trong diện tích đất mà cha mẹ ông T sử dụng trước đây, không thuộc đường đi chung. Nhưng ông T, bà Th không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình.

[8] Nên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông T bà Th phải trả lại diện tích đất này để làm lối đi chung là có căn cứ.

[9] Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 154 Bộ luật dân sự quy định Quyền về lối đi qua trong trường hợp*:" Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng..."* để giải quyết trong vụ án này là không phù hợp;

Bởi; nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả đất thuộc đường đi chung chứ nguY đơn không yêu cầu bị đơn phải để lối đi qua đất của bị đơn. Hơn nữa, như đã phân tích ở trên, phần đất đang có tranh chấp trong vụ án này được xác định là đường đi chung (đường công cộng).

[10] Nên việc ông Võ Văn T, bà Nguyễn Hữu Thị Th lấy đất đường đi chung làm tài sản của mình và sử dụng riêng là hành vi lấn, chiếm đất đai, vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật đất đai; nên hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng cho phù hợp.

[11] Ngoài ra, xét thấy diện tích đất mà ông Võ Văn T, bà Nguyễn Hữu Thị Th phải trả lại làm đường đi chung có diện tích 10,5 m^2. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuY: *"...trả lại phần diện tích đất làm lối đi chung có diện tích rộng 3,7m..."* là không chính xác, vì diện tích tính bằng m^2 chứ không tính bằng "Rộng", nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên cho đúng.

[12] Do kháng cáo không được chấp nhận, bản án sơ thẩm được giữ nguyên, nên ông Võ Văn T, bà Nguyễn Hữu Thị Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do ông Võ Văn T, bà Nguyễn Hữu Thị Th kháng cáo cùng một nội dung, nên hai người chỉ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T, bà Th mỗi người nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm là thừa nên được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp kháng cáo của ông Võ Văn T, bà Nguyễn Hữu Thị Th giữ nguY Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST, ngày 27/8/2019 của Tòa án nhân dân TX. Lagi;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 12 Luật đất đai; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

TuY xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y:

Buộc vợ chồng ông Võ Văn T và bà Nguyễn Hữu Thị Th phải tháo dỡ tường rào xây gạch, tô xi măng để trả lại phần diện tích đất làm lối đi chung có diện tích 10,5 m^2 theo Sơ đồ hiện trạng ngày 03/11/2021của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai Lagi, cụ thể:

- Tường rào giáp nhà bà Nguyễn Thị Y (ông Trần Q) có chiều dài 2,60m,

- Tường rào giáp nhà bà Trần Thị Tuyết M và ông Trần Ngọc M có chiều dài 2,54m,

- Tường rào mặt tiền chính, gồm: Phần tường giáp nhà bà Nguyễn Thị Y có chiều dài 1,09 m, Phần tường giáp nhà bà Trần Thị Tuyết Mai và ông Trần Ngọc Minh có chiều dài 1,65m;

- Cửa sắt rộng 1,33m, cao 1,7m và các tài sản khác (nếu có)

Có Sơ đồ hiện trạng đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai Lagi lập ngày 03/11/ 2021 kèm theo.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Ông Võ Văn T và bà Nguyễn Hữu Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được khấu trừ 600.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0022467, ngày 19/9/2019 và số 0022600, ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TX. Lagi; ông Võ Văn T và bà Nguyễn Hữu Thị Th đã nộp đủ án phí.

- Ông Võ Văn T và bà Nguyễn Hữu Thị Th phải chịu 2.725.000 đồng chi phí đo đạc và 3.300.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại Tòa án TX. Lagi để hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Y.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Y tạm ứng chi phí tố tụng 6.025.000 đồng

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Y 1.110.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0010116, ngày 23/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

- Ông Võ Văn T và bà Nguyễn Hữu Thị Th phải nộp 4.240.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc do Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thực

hiện để trả lại cho ông Trần Q

- Hoàn trả cho ông Trần Q 4.240.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc do Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thực hiện.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND TX.LaGi;
- Chi cục THADS TX. LaGi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Cường

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ngày 14 tháng 12 năm 2021

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán* - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Cường

- *Các thẩm phán*: Bà Trần Thị Thiên Hương, bà Vũ Thị Thanh Hòa

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 06/2020/TLPT-DS ngày 15/01/2020, về việc: "Tranh chấp về lối đi chung".

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TH LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử Th luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và biểu quyết 3/3 nhất trí quyết định như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp kháng cáo của ông Võ Văn T, bà Nguyễn Hữu Thị Th, giữ nguY bản án sơ thẩm;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 12 Luật đất đai; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

TuY xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguY đơn bà Nguyễn Thị Y:

Buộc vợ chồng ông Võ Văn T và bà Nguyễn Hữu Thị Th phải tháo dỡ tường rào xây gạch, tô xi măng để trả lại phần diện tích đất làm lối đi chung có diện tích 10,5 m^2, theo Sơ đồ hiện trạng ngày 03/11/2021của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai Lagi, cụ thể:

- Tường rào giáp nhà bà Nguyễn Thị Y (ông Trần Q) có chiều dài 2,60m,

- Tường rào giáp nhà bà Trần Thị Tuyết Mai và ông Trần Ngọc Minh có chiều dài 2,54m,

- Tường rào mặt tiền chính, gồm: Phần tường giáp nhà bà Nguyễn Thị Y có chiều dài 1,09 m, Phần tường giáp nhà bà Trần Thị Tuyết Mai và ông Trần Ngọc Minh có chiều dài 1,65m;

- Cửa sắt rộng 1,33m, cao 1,7m và các tài sản khác (nếu có).

Có Sơ đồ hiện trạng đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai Lagi lập ngày 03/11/ 2021 kèm theo.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Ông Võ Văn T và bà Nguyễn Hữu Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0022467, ngày

19/9/2019 và số 0022600, ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TX. Lagi; ôngVõ Văn T và bà Nguyễn Hữu Thị Th đã nộp đủ án phí.

- Ông Võ Văn T và bà Nguyễn Hữu Thị Th phải chịu 2.725.000 đồng chi phí đo đạc và 3.300.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Y.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Y 6.025.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Y 1.110.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0010116, ngày 23/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

- Ông Võ Văn T và bà Nguyễn Hữu Thị Th phải nộp 4.240.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc do Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thực hiện để trả lại cho ông Trần Q

- Hoàn trả cho ông Trần Q 4.240.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc do Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thực hiện.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuY án.

Trường hợp Bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản lập xong các thành viên trong hội đồng xét xử đã đọc lại, nhất trí và ký tên dưới đây.

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:**

Trần Thị Thiên Hương Vũ Thị Thanh Hòa **Đặng Văn Cường**